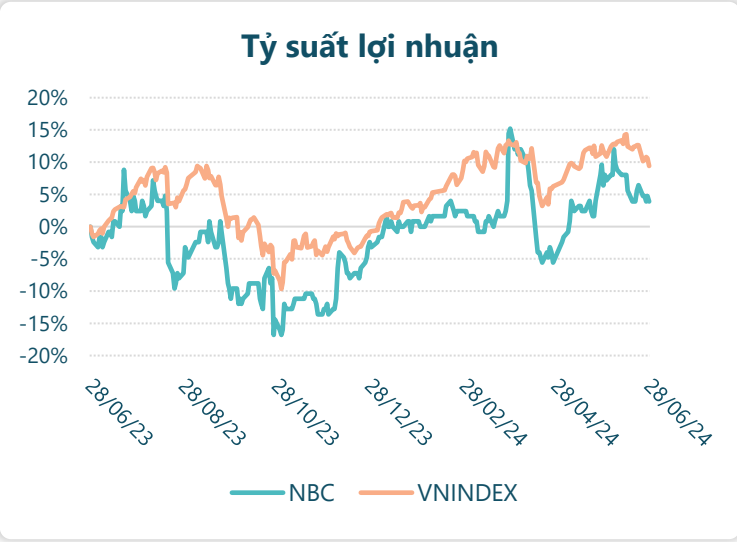


Ngày	12,200 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.8%	-9.8%	10.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,770 - 13,527
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	451
Số lượng CPLH (CP)	36,999,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	228,580
Sở hữu nước ngoài	5.5%
Beta	0.85
EPS	2,713
P/E	4.5



Doanh thu thuần
Q2/24

755

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 174 | 30.0%

YoY: ▼215 | -22.1%

Nợ/VCSH
Q2/24

405%

YoY: +/-▲ 64.0%

LN gộp
Q2/24

85.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.50 | 9.6%

YoY: ▼33.3 | -28.0%

ROE (TTM)
Q2/24

19.6%

YoY: +/-▲ 0.0%

LN trước thuế
Q2/24

21.0

tỷ VNĐ

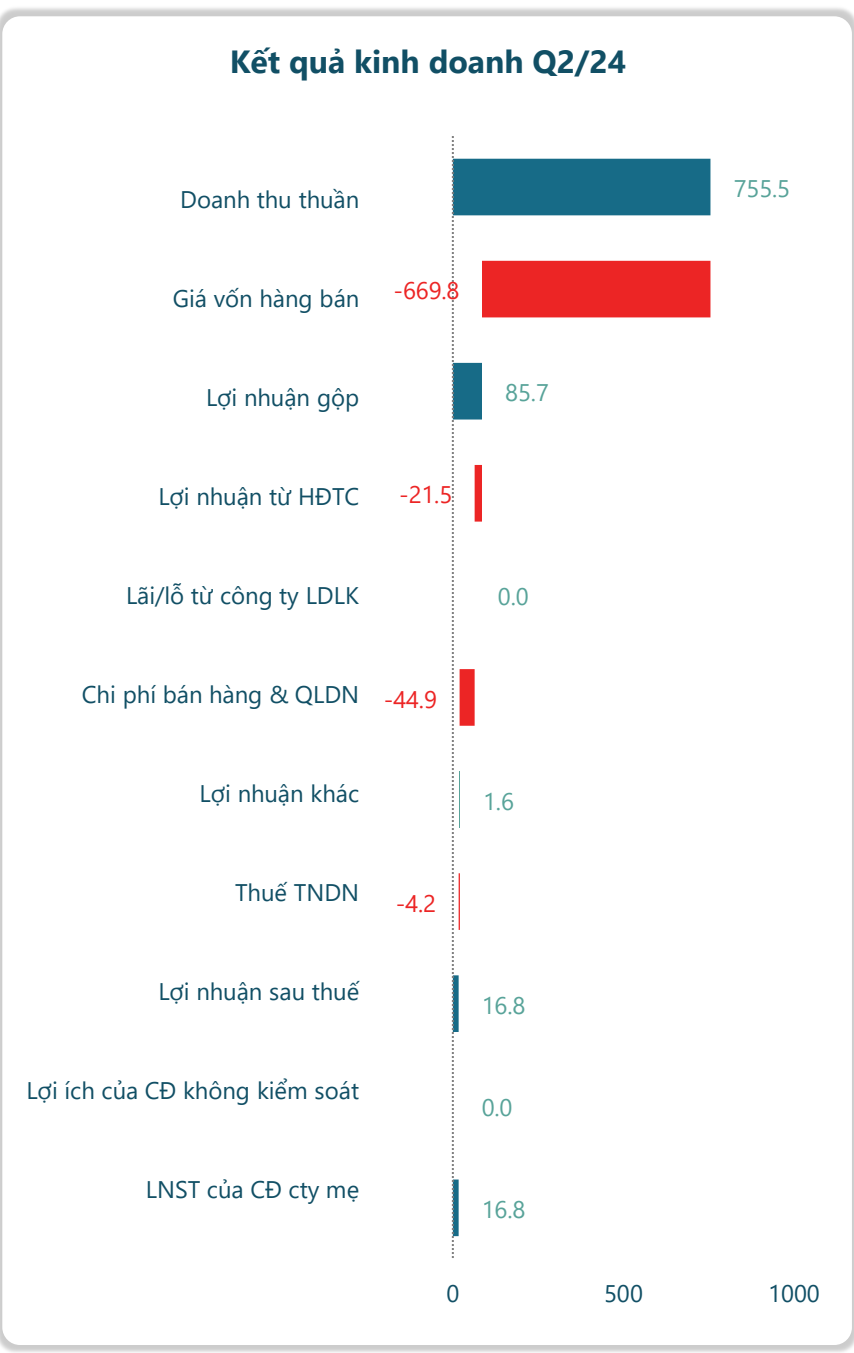
QoQ: ▲ 1.30 | 6.6%

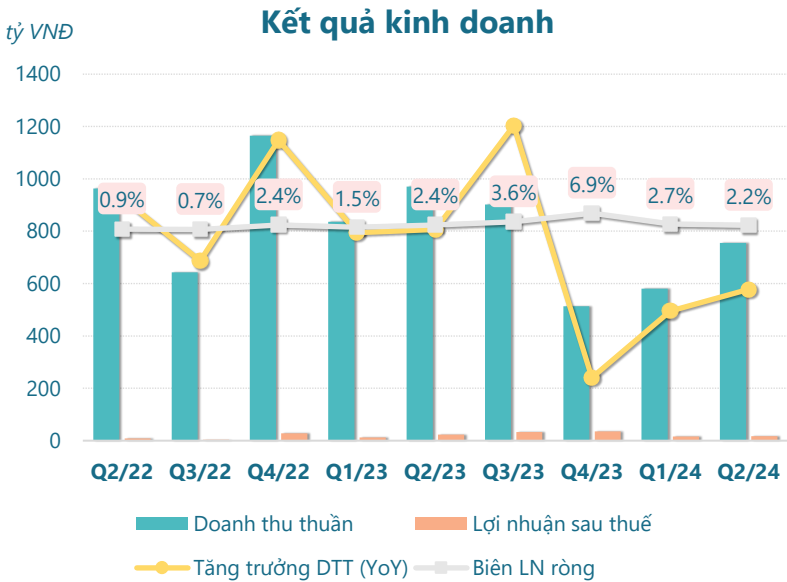
YoY: ▼8.00 | -27.6%

ROA (TTM)
Q2/24

3.7%

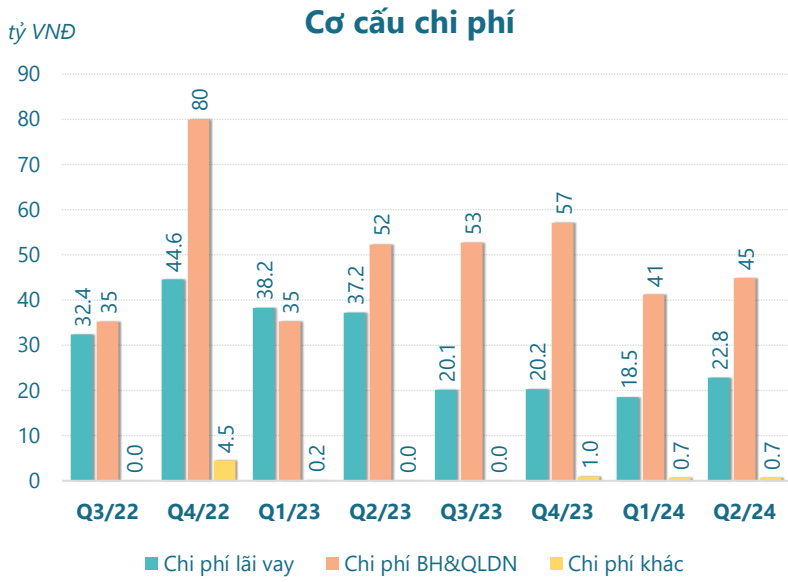
YoY: +/-▼ 0.2%





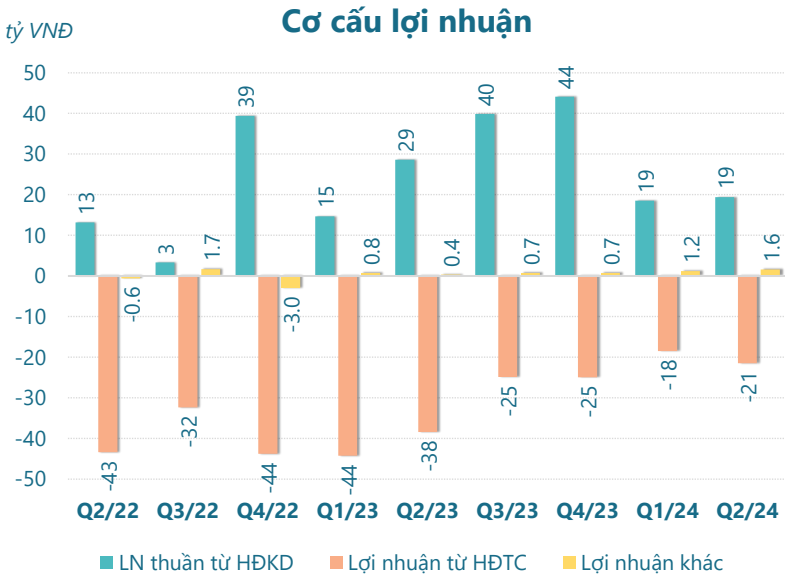
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 19.38 tỷ đồng**, tăng thêm 4.64% so với kỳ trước và thấp hơn 32.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 21.49 tỷ đồng** giảm đi 3.00 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 16.93 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.62 tỷ đồng**, tăng thêm 31.7% so với kỳ trước và cao hơn 326% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **NBC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **755.5 tỷ đồng** giảm đi **22.1%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.80 tỷ đồng**, **giảm sút 27.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,337 tỷ đồng** thấp hơn 26.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 33.00 tỷ đồng** thấp hơn 8.33% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **22.81 tỷ đồng** tăng thêm 23.3% so với kỳ trước và thấp hơn 38.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **44.88 tỷ đồng** tăng thêm 8.85% so với kỳ trước và thấp hơn 14.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.74 tỷ đồng** tăng thêm 2.78% so với kỳ trước và cao hơn 7300% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	755	581	30.0%	970	-22.1%	1,337	1,806	-26.0%
Giá vốn hàng bán	670	503	33.2%	851	-21.3%	1,173	1,593	-26.4%
Lợi nhuận gộp	85.7	78.2	9.6%	119	-28.0%	164	214	-23.2%
Doanh thu HĐTC	1.32	0.01	13083%	0.02	6491%	1.33	0.05	2442%
Chi phí TC	22.8	18.5	23.3%	38.4	-40.6%	41.3	82.7	-50.0%
Chi phí lãi vay	22.8	18.5	23.3%	37.2	-38.7%	41.3	75.4	-45.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	6.52	6.46	0.9%	9.70	-32.8%	13.0	17.4	-25.6%
Chi phí QLDN	38.4	34.8	10.2%	42.6	-10.0%	73.1	70.1	4.3%
LN thuần từ HĐKD	19.4	18.5	4.7%	28.6	-32.3%	37.9	43.3	-12.6%
Lợi nhuận khác	1.62	1.23	31.5%	0.38	326%	2.85	1.15	147%
LN trước thuế	21.0	19.7	6.6%	29.0	-27.6%	40.7	44.5	-8.4%
Lợi nhuận sau thuế	16.8	15.8	6.3%	23.2	-27.6%	32.6	35.6	-8.4%
LNST của CĐ cty mẹ	16.8	15.8	6.3%	23.2	-27.6%	32.6	35.6	-8.4%

